

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 24/2024/HSST
Ngày 20 – 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Hữu Phúc;
Ông Võ Hùng Em.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 10/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 06/6/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị Tòa phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù về tội “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản” theo Bản án số: 2164/HSPT ngày 18/12/2002, có mặt.

2. Trần Thị P (tên gọi khác: N), sinh năm 1977 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1941 (chết) và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1938; có chồng là Phạm Phú C, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và 03 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Phan Văn X, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng: Lê Văn H1, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, Trần Thị P sống chung với nhau như vợ chồng. Trong quá trình chung sống H nghiện ma túy nên P giúp sức mua ma túy cho H để tàng trữ và sử dụng, cụ thể như sau:

- Khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 12/01/2024, Nguyễn Văn H dùng điện thoại có số 0399.581.130 liên lạc với một nam thanh niên tên Đ (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, số điện thoại không nhớ do đã xóa) mua ma túy, địa điểm giao tại trước Đình Thần A thuộc ấp C, xã A, huyện T. Sau khi gọi điện thoại, H đưa số tiền 500.000 đồng cho Trần Thị P đến Đình Thần A để mua ma túy, P đồng ý. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển số 61B1-191.70 đến gần Đình Thần A, thấy 01 nam thanh niên (không biết tên và địa chỉ) điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, ngừng lại ném xuống đất 01 bọc màu đen, P ném tiền 500.000 đồng xuống đất, nam thanh niên nhặt tiền điều khiển xe bỏ đi, P nhặt bọc màu đen, thấy có 04 túi nylon màu trắng nên bỏ vào 2 túi áo khoát, thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 02 điện thoại di động hiệu OPPO A57 và NOKIA; 01 xe mô tô biển số 61B1-191.70; 04 bọc nylon chứa tinh thể rắn màu trắng hàn kín.

- Sau khi bắt quả tang P, lúc 15 giờ 40 phút ngày 12/01/2024, lực lượng Công an đến chỗ ở của Nguyễn Văn H thuộc ấp C, xã A, huyện T phát hiện H đang chuẩn bị sử dụng ma túy, kiểm tra và phát hiện tại cửa sổ có 01 túi nylon, bên trái túi áo đang treo có 01 hộp nhựa màu trắng, bên trong có 02 túi nylon. H thừa nhận vào ngày 05/01/2024 đã dùng điện thoại liên lạc với người nam thanh niên tên Đ mua ma túy với giá 1.200.000 đồng, đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô (không rõ loại xe, biển số) đến phía trước nhà ném ma túy xuống đất, lấy số tiền 1.200.000 đồng, H lấy và chia nhỏ ma túy, cất giấu để sử dụng, nên lực lượng tiến hành lập biên bản.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A14; 01 chai nhựa; 01 bật lửa; 01 ống thủy tinh màu trắng; 03 túi nylon chứa tinh thể rắn màu trắng hàn kín.

- Tại kết luận giám định số: 70/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận: tinh thể rắn chứa trong 4 bìch nylon màu trắng hàn kín, đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 1,041gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 247, mục IIC thuộc Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ). Hoàn trả mẫu tinh thể còn lại sau giám định có khối lượng 0,972gam.

- Tại kết luận giám định số: 73/KL-KTHS ngày 16/01/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận: tinh thể rắn chứa trong 3 túi nylon màu trắng hàn kín và trong ống thủy tinh màu trắng, đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 3,287gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 247, mục IIC thuộc Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ). Hoàn trả mẫu tinh thể còn lại sau giám định có khối lượng 3,069gam.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả giám định, kết quả kiểm tra và tạm giữ đồ vật nêu trên.

- Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSTN ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp truy tố: Nguyễn Văn H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; Trần Thị P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H: 05 - 06 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Thị P: 01 năm 06 tháng – 02 năm năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn SAMSUNG GALAXY A14 (đã qua sử dụng); Tịch thu tiêu hủy: mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong phong bì màu trắng có khối lượng 0,972 g, 0,075g, 2,627g, 0,367g; 01 chai nhựa, 01 nỏ thủy tinh, 01 bát lửa; Trả lại cho Trần Thị P: 02 điện thoại di động hiệu OPPO A57 và NOKIA.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 61B1 - 191.70, do Lê Thị Thanh B1 (sinh năm 1980, ngụ khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ xe. P mua của Phan Văn X với giá 2.000.000 đồng. X mua của 01 cửa hàng xe máy tại tỉnh Bình Dương (không nhớ rõ địa chỉ do đã lâu), đã làm mất giấy tờ mua bán. Xét thấy, cơ quan điều tra không làm việc được với B1 do đã bỏ địa phương, nên đề nghị giao xe mô tô trên cho cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

+ Đối với người tên Đ, người nam thanh niên giao ma túy, do H, P không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không làm việc được, khi nào làm việc được xem xét xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Hóa không nói lời sau cùng; P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo P thừa nhận: Thời gian chung sống, biết H sử dụng ma túy, đã nhiều lần can ngăn nhưng không được. Ngày 12/01/2024 do H đã có liên hệ trước và nhờ đi lấy ma túy về sử dụng, sau khi đưa tiền và lấy ma túy thì bị bắt giữ. Việc H giấu ma túy trong nhà thì không biết.

Bị cáo H thừa nhận: Ngày 05/01/2024, tự H đi mua ma túy giá 1.200.000 đồng để về sử dụng và cất giấu trong nhà, việc mua và cất giấu này P không biết. Lần sau ngày 12/01/2024, sau khi H gọi điện thoại thống nhất mua ma túy, thì có nhờ P đi lấy giùm ma túy và trả tiền 500.000 đồng thì bị bắt giữ.

Xét thấy sự thừa nhận này của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng ,...

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

c) *Heroin, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05gam;*

...

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

...”.

Xét thấy, các bị cáo đã cố ý thực hiện việc cất giữ, cất giấu ma túy bất hợp pháp để sử dụng. Do đó các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bị cáo P khi bị bắt giữ chất ma túy có khối lượng 1,041gam loại Methamphetamine, nên kết luận bị cáo phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo H là người nhờ bị cáo P đi mua ma túy cho mình sử dụng, nên đồng phạm với P theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra riêng bị cáo cũng đã cất giấu ma túy có khối lượng 3,287gam loại Methamphetamine, nên bị cáo 02 lần phạm tội, do đó đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, nên xét thấy quyết định truy tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội, nghĩ cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giúp các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo để từ bỏ con đường phạm tội, trở thành công dân tốt. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

- Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định có khối lượng 4,041 gam, đây là vật cấm tàng trữ, nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A14 kèm theo sim là của bị cáo H dùng vào việc phạm tội, nên là phương tiện phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 chai nhựa, 01 bật lửa, 01 nỏ thủy tinh là vật không giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 điện thoại di động hiệu OPPO và NOKIA của bị cáo P, không chứng minh được bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần giao trả.

- Về xe mô tô biển số 61B1 - 191.70 do Lê Thị Thanh B1 đứng tên nhưng không có mặt tại địa phương, trong khi bị cáo P khai mua của Phan Văn X và X cho là mua của 01 cửa hàng xe máy tại tỉnh Bình Dương (không nhớ rõ địa chỉ do đã lâu), đã làm mất giấy tờ mua bán. Do đó nghĩ nên giao cho Công an huyện T tiếp tục tạm giữ, làm rõ để xử lý theo quy định là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án, để buộc các bị cáo chịu án phí 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Văn H phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Nguyễn Văn H : 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Trần Thị P phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Trần Thị P : 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- *Xử lý vật chứng* : căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau trích mẫu trong bì thư ký hiệu A có khối lượng 0,972 gam được dán giấy niêm phong lại, ghi "Niêm phong số 57, ngày 12/01/2024", có đóng dấu tròn màu đỏ của "Phòng K - Công an tỉnh Đ", có các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn T1 Em, Đinh Nhựt D, Phạm Phước B2

và in các dấu vân tay màu đỏ, ghi họ tên Trần Thị P; Mẫu tinh thể rắn trong bao thư ký hiệu A1 còn lại sau giám định có khối lượng 0,075 gam và nỏ thủy tinh được dán giấy niêm phong, ghi niêm phong số 58/A1, ngày 12/01/2024, có đóng hình tròn màu đỏ của “Phòng K - Công an tỉnh Đ”, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Đinh Nhựt D, Phạm Phước B2 và Nguyễn Văn H; Mẫu tinh thể rắn trong bao thư ký hiệu A2 còn lại sau giám định có khối lượng 2,627 gam được dán giấy niêm phong, ghi niêm phong số 58/A2, ngày 12/01/2024, có đóng hình tròn màu đỏ của “Phòng K - Công an tỉnh Đ”, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Đinh Nhựt D, Phạm Phước B2 và Nguyễn Văn H; Mẫu tinh thể rắn trong bao thư ký hiệu A3 còn lại sau giám định có khối lượng 0,367 gam được dán giấy niêm phong, ghi niêm phong số 58/A3, ngày 12/01/2024, có đóng hình tròn màu đỏ của “Phòng K - Công an tỉnh Đ”, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Đinh Nhựt D, Phạm Phước B2 và Nguyễn Văn H; 01 (một) chai nhựa, màu trắng đen; 01 (một) bật lửa màu xanh;

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A14, số IMEI: 357865261836287, gắn thuê bao số 0399.581.130, màu tím (đã qua sử dụng).

+ Trả cho Trần Thị P: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A57, số IMEI: 869945066046133 (màu đen) gắn sim thuê bao số 081.8078.171 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím (màu đen) đã qua sử dụng (điện thoại không mở nguồn được nên không kiểm tra được loại máy, số IMEI bên trong).

+ Giao cho Công an huyện T tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 61B1 - 191.70, nhãn hiệu Wave @, màu đỏ, số khung H1UM8XN25683, số máy P52FMH025683 (xe đã qua sử dụng), để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

(Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông đang quản lý các vật chứng trên theo Quyết định chuyển vật chứng số: 22/QĐ-VKSTN ngày 10/5/2024).

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thị P, mỗi người nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THAHS CA huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa